

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ  
ĐÔ THỊ DẦU KHÍ**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Ngô Hồng Minh	Chủ tịch Công ty
Ông Bùi Minh Chính	Ủy viên
Ông Trần Hữu Giang	Ủy viên
Ông Phan Nguyễn Hữu Phương	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 19 tháng 5 năm 2016)
Ông Nguyễn Phương Nam	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 19 tháng 5 năm 2016)

#### **Ban kiểm soát**

Ông Nguyễn Thanh Cường	Trưởng ban
Ông Nguyễn Hữu Tùng	Thành viên
Bà Hoàng Thị Thu Huyền	Thành viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Bùi Minh Chính	Giám đốc
Ông Trần Hữu Giang	Phó Giám đốc
Ông Ngô Phan Hòa Bình	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Phương Nam	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 10 tháng 5 năm 2016)

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

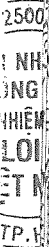
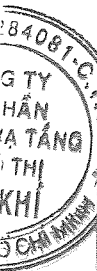
Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



**Bùi Minh Chính**  
Giám đốc

Ngày 26 tháng 8 năm 2016



Số: 160 /VNIA-HCM-BC

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 26 tháng 8 năm 2016, từ trang 4 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – “Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện”.

Công việc soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Trong năm 2012, Công ty đã hạch toán bù trừ công nợ phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (“PVC-SG”) và nợ phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú với số tiền 18.927.755.598 đồng. Việc hạch toán bù trừ công nợ nói trên xuất phát từ quyết định của Ban Giám đốc của Công ty ở niên độ trước và đã dẫn đến việc chúng tôi phải đưa ra ý kiến ngoại trừ đối với báo cáo tài chính riêng của niên độ đó. Tại thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ thông tin tài chính liên quan đến việc bù trừ công nợ này. Do đó, chúng tôi không thể thực hiện các thủ tục mà chúng tôi cho là cần thiết.

Như đã nêu tại Thuyết minh số 7 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty đã ghi nhận các khoản phải thu khác bao gồm một số khoản phải thu tiền phạt do chậm tiến độ từ các bên thi công công trình theo các điều khoản của hợp đồng và phạt chậm thanh toán với số tiền là 64.222.237.114 đồng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 64.222.327.114 đồng). Việc ghi nhận khoản phải thu khác nói trên xuất phát từ quyết định của Ban Giám đốc của Công ty ở niên độ trước và đã dẫn đến việc chúng tôi phải đưa ra ý kiến ngoại trừ đối với báo cáo tài chính riêng của niên độ đó. Tại thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ thông tin tài chính liên quan đến việc ghi nhận các khoản phải thu khác và bù trừ công nợ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016. Do đó, chúng tôi không thể thực hiện các thủ tục mà chúng tôi cho là cần thiết.

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

### Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng (nếu có) của các vấn đề được nêu tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ" chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



**Nguyễn Minh Thao**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 1902-2013-001-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

*Ngày 26 tháng 8 năm 2016*

*Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam*

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ**

Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

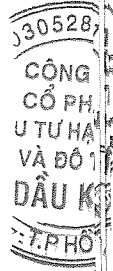
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

MẪU SỐ B 01a-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016		31/12/2015	
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>310.813.709.025</b>		<b>355.715.812.859</b>	
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>4.696.651.965</b>		<b>24.951.631.596</b>	
1. Tiền	111		3.696.651.965		12.171.515.454	
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.000.000.000		12.780.116.142	
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>214.809.380.125</b>		<b>232.429.800.305</b>	
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	118.657.062.850		135.941.274.470	
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		14.399.118.514		2.399.134.758	
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	81.753.198.761		94.089.391.077	
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>83.679.400.217</b>		<b>88.467.095.560</b>	
1. Hàng tồn kho	141		84.644.542.827		90.655.288.161	
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(965.142.610)		(2.188.192.601)	
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>7.628.276.718</b>		<b>9.867.285.398</b>	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	260.967.215		2.678.311.684	
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	7.367.309.503		7.188.973.714	
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.116.348.207.620</b>		<b>1.124.717.404.860</b>	
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>139.803.410.964</b>		<b>143.661.042.868</b>	
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	96.699.534.887		103.312.273.041	
2. Phải thu dài hạn khác	216	7	43.103.876.077		40.348.769.827	
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>79.942.110.982</b>		<b>81.600.055.185</b>	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	64.461.569.583		65.933.347.508	
- Nguyên giá	222		78.323.780.006		78.288.180.006	
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.862.210.423)		(12.354.832.498)	
2. Tài sản vô hình	227	11	15.480.541.399		15.666.707.677	
- Nguyên giá	228		17.134.685.143		17.134.685.143	
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.654.143.744)		(1.467.977.466)	
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>12</b>	<b>4.582.215.788</b>		<b>4.678.533.752</b>	
- Nguyên giá	231		5.256.441.535		5.256.441.535	
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(674.225.747)		(577.907.783)	
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>13</b>	<b>156.231.497.424</b>		<b>156.197.977.424</b>	
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		156.231.497.424		156.197.977.424	
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>14</b>	<b>730.430.347.449</b>		<b>732.399.905.736</b>	
1. Đầu tư vào công ty con	251		708.217.000.000		708.217.000.000	
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		36.000.000.000		36.000.000.000	
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(13.786.652.551)		(11.817.094.264)	
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>5.358.625.013</b>		<b>6.179.889.895</b>	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	5.358.625.013		6.179.889.895	
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1.427.161.916.645</b>		<b>1.480.433.217.719</b>	



Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ**

Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

**MÃ SỐ B 01a-DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016	31/12/2015
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>604.415.786.350</b>	<b>633.296.141.244</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>258.742.005.334</b>	<b>286.702.926.384</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	28.455.760.271	27.671.551.803
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		725.385.295	1.112.643.615
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	1.103.817.019	4.723.333.540
4. Phải trả người lao động	314		506.779.022	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	86.035.455.662	84.911.046.912
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		382.221.820	382.221.820
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	78.532.586.246	70.869.534.599
8. Vay và nợ ngắn hạn	320	19	62.999.999.999	97.032.594.095
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>345.673.781.016</b>	<b>346.593.214.860</b>
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	17	75.486.867.029	75.180.563.456
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	20	14.139.147.624	14.330.258.534
3. Phải trả dài hạn khác	337	18	90.702.917.464	91.737.543.971
4. Vay và nợ dài hạn	338	21	165.344.848.899	165.344.848.899
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>822.746.130.295</b>	<b>847.137.076.475</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>22</b>	<b>822.746.130.295</b>	<b>847.137.076.475</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(7.866.485.920)	(7.866.485.920)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		23.458.924.626	23.458.924.626
4. Lỗ lũy kế	421		(192.846.308.411)	(168.455.362.231)
- Lỗ sau thuế lũy kế đến cuối năm trước	421a		(168.455.362.231)	(127.448.893.234)
- Lỗ sau thuế kỳ này	421b		(24.390.946.180)	(41.006.468.997)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>1.427.161.916.645</b>	<b>1.480.433.217.719</b>

Người lập biểu/ Kế toán trưởng  
Phạm Thúy Nga



Giám đốc  
Bùi Minh Chính  
Ngày 26 tháng 8 năm 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ**

Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

MÃ SỐ B 02a-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	53.515.514.475	22.708.956.583
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	29.592.000.000	3.205.221
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>		<b>23.923.514.475</b>	<b>22.705.751.362</b>
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	17.637.436.251	22.988.072.139
<b>5. Lợi nhuận/(Lỗ) gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>6.286.078.224</b>	<b>(282.320.777)</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	2.247.518.283	1.260.802.738
7. Chi phí tài chính	22	28	18.467.620.349	21.880.342.496
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		16.498.062.062	20.840.685.830
8. Chi phí bán hàng	25	29	3.250.000.000	30.436.364
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	11.733.305.103	15.663.236.764
<b>10. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))</b>	<b>30</b>		<b>(24.917.328.945)</b>	<b>(36.595.533.663)</b>
11. Thu nhập khác	31		4.454.450.784	6.948.747.069
12. Chi phí khác	32		3.928.068.019	3.299.258.351
<b>13. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>	<b>30</b>	<b>526.382.765</b>	<b>3.649.488.718</b>
<b>14. Lỗ trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(24.390.946.180)</b>	<b>(32.946.044.945)</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	31	-	-
<b>16. Lỗ sau thuế (60=50-51)</b>	<b>60</b>		<b>(24.390.946.180)</b>	<b>(32.946.044.945)</b>



125  
HI  
CÔN  
NH  
E  
ET  
TP



*[Handwritten signature]*  
 Người lập biểu/ Kế toán trưởng  
 Phạm Thúy Nga

*[Handwritten signature]*  
 Giám đốc  
 Bùi Minh Chính  
 Ngày 26 tháng 8 năm 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ**

Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

MẪU SỐ B 03a-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. <i>Lỗ trước thuế</i>	01	(24.390.946.180)	(32.946.044.945)
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	1.789.862.167	2.429.857.862
Các khoản dự phòng	03	746.508.296	2.829.767.255
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(2.247.518.283)	(1.260.802.738)
Chi phí lãi vay	06	16.498.062.062	20.840.685.830
3. <i>Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	(7.604.031.938)	(8.106.536.736)
Giảm các khoản phải thu	09	21.509.598.515	17.087.534.185
Giảm hàng tồn kho	10	6.010.745.334	8.489.748.084
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	1.033.857.045	(5.599.464.147)
Giảm/(Tăng) chi phí trả trước	12	3.238.609.351	(6.474.847.313)
Tiền lãi vay đã trả	14	(11.345.053.398)	(1.337.387.088)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	274.145.320
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.034.626.507)	(206.098.397)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	<i>11.809.098.402</i>	<i>4.127.093.908</i>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(69.120.000)	(2.187.728.977)
2. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.037.636.063	317.923.654
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	<i>1.968.516.063</i>	<i>(1.869.805.323)</i>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	(34.032.594.096)	(8.408.541.023)
2. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	-	(54.559.260)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	<i>(34.032.594.096)</i>	<i>(8.463.100.283)</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</i>	50	<i>(20.254.979.631)</i>	<i>(6.205.811.698)</i>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	24.951.631.596	20.559.872.440
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	4.696.651.965	14.354.060.742

*Phạm Thúy Nga*

Người lập biểu/ Kế toán trưởng  
Phạm Thúy Nga



Giám đốc  
Bùi Minh Chính  
Ngày 26 tháng 8 năm 2016



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ

Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

MÃ SỐ B.09a-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo hình thức công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103008269 cấp ngày 29 tháng 10 năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh và các giấy chứng nhận điều chỉnh. Công ty được thành lập trên cơ sở chuyển đổi Ban Quản lý các dự án công trình xây dựng phía Nam thành Công ty cổ phần theo Nghị quyết số 2892/NQ-DK ngày 24 tháng 5 năm 2007 và Nghị quyết số 3133/NQ-DKVN ngày 31 tháng 8 năm 2007 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là PTL.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 95 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 92 người).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

#### Hoạt động chính

- Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh khu dân cư, khu đô thị mới, văn phòng, cảng biển và cảng sông;
- Cho thuê kho bãi và nhà xưởng;
- Tư vấn đầu tư xây dựng, tư vấn quản lý các dự án đầu tư, tư vấn giám sát;
- Kinh doanh bất động sản;
- Mua bán vật tư thiết bị ngành xây dựng;
- Đầu tư xây dựng, kinh doanh khách sạn;
- Sàn giao dịch bất động sản;
- Dịch vụ quản lý và khai thác bất động sản.

#### Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian trên 12 tháng đối với hoạt động xây dựng và kinh doanh bất động sản và dưới 12 tháng đối với các hoạt động kinh doanh khác.

#### Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có một chi nhánh để quản lý bất động sản, vệ sinh nhà cửa và các công trình khác, dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan. Chi nhánh được đặt tại cùng tòa nhà của trụ sở chính.

Công ty có các công ty con là Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú, Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long và Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang. Quyền sở hữu và quyền biểu quyết của Công ty cùng với tình hình góp vốn điều lệ vào các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 được trình bày ở Thuyết minh số 14.

#### Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu của báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán và số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 đã được soát xét.

28  
NG  
PH  
HA  
Ô  
KI  
10



Val

## **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

### **Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính này là báo cáo tài chính riêng được lập để trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Công ty; vì vậy Công ty không hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty con trong báo cáo tài chính riêng này. Chính sách kế toán đối với các khoản đầu tư của Công ty được trình bày chi tiết trong Thuyết minh số 3 dưới đây.

Các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 hàng năm.

## **3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 21 tháng 03 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Công ty đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 tới ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Công ty.

## **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **Công cụ tài chính**

#### **Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản nhận ký quỹ, ký cược.

108  
TY  
ÂN  
TÂN  
HI  
T  
CH

M.S.C.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính**

*Đầu tư vào công ty con*

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

*Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho thể hiện chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các dự án với mục đích xây dựng để bán trong phạm vi kinh doanh của Công ty và được phân loại là tài sản ngắn hạn hoặc dài hạn dựa trên chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty. Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí đền bù, chi phí giải tỏa, chi phí xây dựng, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình xây dựng dự án. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	6 - 25
Phương tiện vận tải	4 - 8
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Tài sản cố định khác	4

### Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

### Tài sản vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, các phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng của lô đất. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là ba năm.

### Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 45 năm cho quyền sử dụng đất và 25 năm cho nhà cửa vật và kiến trúc.

### Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước gồm chi phí sửa chữa văn phòng, giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.



### **Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

### **Ghi nhận doanh thu**

#### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán bất động sản Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

#### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

### **Chính sách phân phối lợi nhuận**

Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do hội đồng quản trị đề xuất sau khi tham khảo ý kiến cổ đông tại Đại hội cổ đông.

Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, phù hợp với quy định của pháp luật.

### **5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/6/2016	31/12/2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	118.465.790	173.537.065
Tiền gửi ngân hàng	3.578.186.175	11.997.978.389
Các khoản tương đương tiền (i)	<u>1.000.000.000</u>	<u>12.780.116.142</u>
	<b><u>4.696.651.965</u></b>	<b><u>24.951.631.596</u></b>

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại trong nước với lãi suất là 4.5%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: từ 4,8%/năm).

### **6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	30/6/2016	31/12/2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a. Phải thu khách hàng ngắn hạn		
Dự án chung cư Petroland Quận 2	37.408.203.373	39.146.052.786
Dự án Trung tâm Thương mại Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng ("TTTM Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng")	54.816.946.227	73.539.364.193
Dự án chung cư Mỹ Phú Quận 7	6.197.423.196	5.669.737.769
Phải thu khách hàng là bên liên quan (Thuyết minh số 34)	12.176.641.221	11.912.108.275
Khác	<u>8.057.848.833</u>	<u>5.674.011.447</u>
	<b><u>118.657.062.850</u></b>	<b><u>135.941.274.470</u></b>
b. Phải thu khách hàng dài hạn		
Dự án chung cư Petroland Quận 2	826.587.760	10.488.801.649
Dự án TTTM Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng	<u>95.872.947.127</u>	<u>92.823.471.392</u>
	<b><u>96.699.534.887</u></b>	<b><u>103.312.273.041</u></b>

7. PHẢI THU KHÁC

	30/6/2016	31/12/2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a. Ngắn hạn		
Phải thu tiền lãi phạt do chậm tiến độ, chậm thanh toán và thanh lý hợp đồng	79.604.937.787	79.154.832.897
<i>Công ty Cổ phần Năng lượng VINABENNY</i>	165.872.080	165.872.080
<i>Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí ("PVC-Metal") (*)</i>	26.910.263.916	26.910.263.916
<i>Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí ("PVC-PT") (**)</i>	8.495.576.355	8.045.471.465
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn ("PVC-SG") (**)</i>	44.033.225.436	44.033.225.436
Trích trước lãi phải thu	-	67.512.224
Phải thu ngắn hạn khác	2.139.797.508	2.408.876.145
Phải thu khác bên liên quan(Thuyết minh số 34)	8.463.466	12.458.169.811
	<b><u>81.753.198.761</u></b>	<b><u>94.021.878.853</u></b>
b. Dài hạn		
Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	84.200.000	84.200.000
Phải thu khác bên liên quan(Thuyết minh số 34)	36.518.556.077	33.763.449.827
Công ty TNHH Bệnh Viện Đa khoa Quốc tế Vũ Anh	6.501.120.000	6.501.120.000
	<b><u>43.103.876.077</u></b>	<b><u>40.348.769.827</u></b>

(\*) Khoản mục này bao gồm:

- Số tiền 14.766.633.703 đồng là khoản phải thu từ PVC - Metal do phạt chậm tiến độ tại dự án Trung tâm Thương mại Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng tại số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo biên bản làm việc và phụ lục quyết toán hợp đồng ngày 04 tháng 6 năm 2015 về việc quyết toán và thanh lý các hợp đồng kinh tế giữa Công ty và PVC - Metal.

- Số tiền 12.143.630.213 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 12.143.630.213 đồng) là khoản phải thu từ PVC - Metal do phạt chậm tiến độ tại dự án chung cư Petroland, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh được ghi nhận theo các điều khoản của hợp đồng và chưa có quyết toán xác nhận.

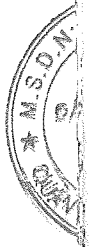
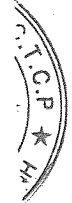
(\*\*) Khoản phải thu từ PVC-PT và PVC-SG với số tiền lần lượt là 8.495.576.355 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 8.045.471.465 đồng) và 44.033.225.436 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 44.033.225.436 đồng) là khoản lãi phạt do chậm thanh toán và chậm tiến độ được ghi nhận theo các điều khoản của hợp đồng và chưa có quyết toán xác nhận.

8. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2016		31/12/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nguyên liệu, vật liệu	92.129.383	-	98.684.632	-
Công cụ, dụng cụ	7.604.000	-	7.604.000	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.867.350.400	-	5.138.066.708	-
Hàng hóa	80.677.459.044	(965.142.610)	85.410.932.821	(2.188.192.601)
<i>Trong đó:</i>				
<i>Dự án chung cư Petroland Quận 2</i>	3.735.315.212	(965.142.610)	8.468.788.989	(2.188.192.601)
<i>Dự án TTTM Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng</i>	76.942.143.832	-	76.942.143.832	-
	<b><u>84.644.542.827</u></b>	<b><u>(965.142.610)</u></b>	<b><u>90.655.288.161</u></b>	<b><u>(2.188.192.601)</u></b>

Trong năm, Công ty đã bàn giao một số căn hộ tại Chung cư Petroland, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh cho khách hàng và thực hiện hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 1.223.049.991 đồng.

Như trình bày tại Thuyết minh số 21, Công ty đã thế chấp giá trị hàng hóa bất động sản trong Dự án Trung tâm Thương mại Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng tại Lô đất C6-A01, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.



**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/6/2016 VND	31/12/2015 VND
a. Ngắn hạn		
- Khác	260.967.215	2.678.311.684
	<b>260.967.215</b>	<b>2.678.311.684</b>
b. Dài hạn		
- Chi phí sửa chữa văn phòng	5.177.948.523	5.993.561.609
- Chi phí trả trước dài hạn khác	180.676.490	186.328.286
	<b>5.358.625.013</b>	<b>6.179.889.895</b>

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2016	74.086.356.847	850.378.446	2.795.451.213	555.993.500	78.288.180.006
Tăng trong kỳ	-	35.600.000	-	-	35.600.000
Tại ngày 30/6/2016	<u>74.086.356.847</u>	<u>885.978.446</u>	<u>2.795.451.213</u>	<u>555.993.500</u>	<u>78.323.780.006</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2016	8.428.966.410	823.831.527	2.795.451.213	306.583.348	12.354.832.498
Khấu hao trong kỳ	1.481.727.138	18.500.947	-	7.149.840	1.507.377.925
Tại ngày 30/6/2016	<u>9.910.693.548</u>	<u>842.332.474</u>	<u>2.795.451.213</u>	<u>313.733.188</u>	<u>13.862.210.423</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 30/6/2016	<u>64.175.663.299</u>	<u>43.645.972</u>	<u>-</u>	<u>242.260.312</u>	<u>64.461.569.583</u>
Tại ngày 31/12/2015	<u>65.657.390.437</u>	<u>26.546.919</u>	<u>-</u>	<u>249.410.152</u>	<u>65.933.347.508</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 3.539.084.203 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 3.822.384.204 đồng).

Như trình bày tại Thuyết minh số 21, Công ty đã thế chấp toàn bộ tài sản là nhà xưởng và vật kiến trúc trong Dự án Trung tâm Thương mại Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng tại lô đất C6-A01, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.





**11. TÀI SẢN VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2016			
và tại ngày 30/6/2016	<u>16.754.965.143</u>	<u>379.720.000</u>	<u>17.134.685.143</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2016	1.088.257.466	379.720.000	1.467.977.466
Khấu hao trong kỳ	<u>186.166.278</u>	<u>-</u>	<u>186.166.278</u>
Tại ngày 30/6/2016	<u>1.274.423.744</u>	<u>379.720.000</u>	<u>1.654.143.744</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 30/6/2016	<u><b>15.480.541.399</b></u>	<u><b>-</b></u>	<u><b>15.480.541.399</b></u>
Tại ngày 31/12/2015	<u><b>15.666.707.677</b></u>	<u><b>-</b></u>	<u><b>15.666.707.677</b></u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 379.720.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 379.720.000 đồng).

Như trình bày tại Thuyết minh số 21, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của Công ty trong Dự án Trung tâm Thương mại Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng tại Lô đất C6-A01, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

**12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2016			
và tại ngày 30/6/2016	<u>991.222.548</u>	<u>4.265.218.987</u>	<u>5.256.441.535</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2016	78.727.749	499.180.034	577.907.783
Khấu hao trong kỳ	<u>11.013.582</u>	<u>85.304.382</u>	<u>96.317.964</u>
Tại ngày 30/6/2016	<u>89.741.331</u>	<u>584.484.416</u>	<u>674.225.747</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 30/6/2016	<u><b>901.481.217</b></u>	<u><b>3.680.734.571</b></u>	<u><b>4.582.215.788</b></u>
Tại ngày 31/12/2015	<u><b>912.494.799</b></u>	<u><b>3.766.038.953</b></u>	<u><b>4.678.533.752</b></u>

Bất động sản đầu tư thể hiện một phần diện tích đất và chi phí xây dựng tòa nhà Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của Công ty đã hoàn thành. Nguyên giá bất động sản đầu tư được ghi nhận tương ứng với mục đích thu lợi từ việc cho thuê mà không phải để sử dụng trong cung cấp hàng hóa dịch vụ hoặc sử dụng cho mục đích quản lý hoặc bán trong kỳ kinh doanh bình thường. Bất động sản đầu tư là tòa nhà được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 25 năm.

Nguyên giá bất động sản đầu tư được tạm ghi nhận dựa trên chi phí thực tế phát sinh. Tại ngày lập báo cáo riêng giữa niên độ này, Công ty vẫn đang thực hiện việc quyết toán giá trị công trình này với cơ quan có thẩm quyền. Nguyên giá của bất động sản đầu tư này sẽ được điều chỉnh lại khi quyết toán công trình được phê duyệt.

Như trình bày tại Thuyết minh số 21, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc thuộc sở hữu Công ty trong Dự án Trung tâm Thương mại Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng tại lô đất C6-A01, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

0305  
 CÔNG  
 CỔ  
 PHẦN  
 ĐẦU  
 TƯ  
 VÀ  
 ĐÔ  
 THỊ

C.T. H. H. H. H.  
 M.S.C.N. O.  
 QUẬN

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư vẫn chưa được xác định vì Công ty chưa thực hiện định giá những bất động sản này và không có tài sản so sánh cùng loại để xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư.

**13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là giá trị dự án khu Đô thị mới Dầu khí Vũng Tàu đặt tại Phường 10 và 11, Thành phố Vũng Tàu có tổng diện tích khoảng 69,46 ha. Tổng giá trị đầu tư dự kiến là 1.500 tỷ đồng bao gồm chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, tiền sử dụng đất, chi phí xây dựng hạ tầng kỹ thuật, thuế, lãi vay và các chi phí khác. Chi phí phát sinh đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 là chi phí liên quan đến bồi thường và giải phóng mặt bằng.

**14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	30/6/2016	31/12/2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Đầu tư vào công ty con (i)</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú	157.325.000.000	157.325.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long	350.504.480.000	350.504.480.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang	200.387.520.000	200.387.520.000
<b>Đầu tư dài hạn khác (ii)</b>		
Dự án nhà ở Thương mại Tương Bình Hiệp	36.000.000.000	36.000.000.000
<b>Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn</b>	<u>(13.786.652.551)</u>	<u>(11.817.094.264)</u>
	<u><b>730.430.347.449</b></u>	<u><b>732.399.905.736</b></u>

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập	Tỷ lệ		Hoạt động chính
		Tỷ lệ phần sở hữu %	quyền biểu quyết năm giữ %	
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú	Thành phố Hồ Chí Minh	89,90%	89,90%	Xây dựng và kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long	Thành phố Hồ Chí Minh	79,90%	79,90%	Xây dựng và kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang	Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	62,19%	62,19%	Xây dựng và kinh doanh bất động sản

**(i) Đầu tư công ty con**

Khoản đầu tư vào Công ty con được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

- a) Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0309612230 cấp ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh và các giấy chứng nhận điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú tại Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty đã góp 157.325.000.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 157.325.000.000 đồng) trong tổng số vốn điều lệ 175.000.000.000 đồng của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú, tương đương với 89,9% quyền sở hữu và quyền kiểm soát của Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú.

- b) Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0310275607 cấp ngày 25 tháng 8 năm 2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh. Trụ sở đăng ký của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long tại Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty đăng ký góp 399.500.000.000 đồng trong tổng số vốn điều lệ 500.000.000.000 đồng của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long, tương đương với 79,9% quyền sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty đã góp 350.504.480.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 350.504.480.000 đồng) trong tổng số vốn điều lệ đăng ký tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long, tương đương 70,1% quyền sở hữu và quyền kiểm soát của Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long. Theo cam kết góp vốn, Công ty sẽ tiếp tục góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long khi nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của dự án Khu nhà ở cao tầng và công trình công cộng tại Phường Phước Long B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, bên Vũ Anh vẫn chưa thực hiện xong các thủ tục xin giao đất và quyết định giao đất cho Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long.

Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 319/2010/HĐ-PETROLAND ký ngày 06 tháng 8 năm 2010 và các phụ lục hợp đồng giữa Công ty và Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vũ Anh (“Vũ Anh”) để thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long nhằm thực hiện dự án Khu nhà ở cao tầng và công trình công cộng tại Phường Phước Long B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh thì Vũ Anh có trách nhiệm thực hiện các thủ tục xin giao đất và quyết định giao đất cho Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long thực hiện dự án với thời hạn cuối cùng là ngày 30 tháng 6 năm 2012 và Vũ Anh đồng thời chịu trách nhiệm đóng thuế chuyển mục đích sử dụng đất cho diện tích đất mà hai bên thống nhất hợp tác đầu tư. Công ty đã thanh toán cho Vũ Anh số tiền 345 tỷ đồng và sẽ thanh toán số tiền còn lại khoảng 49 tỷ đồng khi Vũ Anh cung cấp quyết định giao đất của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cho Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Ban Giám đốc Công ty đã lập dự phòng giảm giá cho khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long với số tiền là 6.679.670.865 đồng.

- c) Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sông Hồng) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4200734936 cấp ngày 02 tháng 02 năm 2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa và các giấy chứng nhận điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang tại Số 67 Đường Mê Linh, Phường Tân Lập, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa. Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang là 315.425.000.000 đồng, trong đó tỷ lệ vốn góp của Công ty là 196.150.000.000 đồng, tương đương với 62,19% quyền sở hữu và quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty đã góp 200.387.520.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 200.387.520.000 đồng). Căn cứ vào Nghị quyết số 953/NQ-XLDK ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí (“PVC”) về việc chấp thuận chủ trương sẽ chuyển nhượng phần vốn góp của Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang với giá chuyển nhượng không thấp hơn mệnh giá (10.000 đồng/cổ phần). Tại ngày lập báo cáo này, Công ty vẫn đang tìm kiếm đối tác để thực hiện việc chuyển nhượng phần vốn góp nêu trên.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Ban Giám đốc Công ty đã lập dự phòng giảm giá cho khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang với số tiền là 7.106.981.686 đồng.

## **(ii) Đầu tư dài hạn khác**

Đầu tư dài hạn khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là tiền góp vốn hợp tác đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Hồng tại Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương. Trong đó, tỷ lệ vốn góp của Công ty theo hợp đồng là 30% (tương đương 48.825.000.000 đồng).

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty đang tìm kiếm đối tác để chuyển nhượng khoản đầu tư này với giá chuyển nhượng không thấp hơn giá gốc khoản đầu tư. Ban Giám đốc xác định không có các dấu hiệu cho thấy sự giảm giá của khoản đầu tư này. Vì vậy, Công ty không thực hiện trích lập dự phòng cho khoản đầu tư.

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/6/2016		31/12/2015	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	4.789.994.471	4.789.994.471	4.789.994.471	4.789.994.471
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội Ngoại thất Dầu khí	6.649.676.824	6.649.676.824	6.649.676.824	6.649.676.824
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	8.949.755.062	8.949.755.062	8.949.755.062	8.949.755.062
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủ Thiêm	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú	386.497.214	386.497.214	386.497.214	386.497.214
Phải trả người bán khác	5.679.836.700	5.679.836.700	4.895.628.232	4.895.628.232
	<b>28.455.760.271</b>	<b>28.455.760.271</b>	<b>27.671.551.803</b>	<b>27.671.551.803</b>

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2016	Tăng	Giảm	30/6/2016
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	4.723.333.540		3.619.516.521	1.103.817.019
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(7.157.964.145)	-	-	(7.157.964.145)
Thuế thu nhập cá nhân	(31.009.569)	170.076.123	348.411.912	(209.345.358)
	<b>(2.465.640.174)</b>	<b>170.076.123</b>	<b>3.967.928.433</b>	<b>(6.263.492.484)</b>
<i>Trong đó</i>				
Thuế phải thu Nhà nước	7.188.973.714			7.367.309.503
Thuế phải nộp Nhà nước	4.723.333.540			1.103.817.019

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/6/2016	31/12/2015
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí trích trước dự án TTTM Tài chính Dầu khí		
Phú Mỹ Hưng	6.436.952.236	7.546.547.436
Chi phí trích trước dự án Petroland Quận 2	18.123.180.090	18.828.056.384
Chi phí lãi vay phải trả	26.114.065.067	22.823.168.925
Chi phí trích trước khác	362.620.226	2.270.445.073
Chi phí phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 34)	34.998.638.043	33.442.829.094
	<b>86.035.455.662</b>	<b>84.911.046.912</b>
b. Dài hạn		
Chi phí lãi vay phải trả	75.486.867.029	75.180.563.456
	<b>75.486.867.029</b>	<b>75.180.563.456</b>

**18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC**

	30/6/2016	31/12/2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a) Ngắn hạn		
Tiền đặt cọc	-	50.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Bất Động Sản Hiệp Phát	7.311.550.100	-
Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh	7.686.407.167	7.686.407.167
Cổ tức phải trả	14.147.650.410	14.147.650.410
Tiền phạt chậm bàn giao dự án Petroland Quận 2	-	382.524.406
Phải trả về thanh lý hợp đồng	1.853.521.912	4.197.996.444
Phải trả khác	366.587.489	1.157.543.953
Phải trả khác bên liên quan (Thuyết minh số 34)	47.166.869.168	43.247.412.219
	<b><u>78.532.586.246</u></b>	<b><u>70.869.534.599</u></b>
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	583.947.000
Quỹ bảo trì dự án TTTM Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng	9.800.599.534	10.443.199.534
Quỹ bảo trì dự án Petroland Quận 2	9.464.797.603	9.271.862.205
Phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về cổ phần hóa Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (*) (Thuyết minh số 34)	10.850.000.327	10.850.000.327
Khác	60.587.520.000	60.587.520.000
	-	1.014.905
	<b><u>90.702.917.464</u></b>	<b><u>91.737.543.971</u></b>

(\*) Số dư phải trả khác cho PVC thể hiện khoản vay lại của PVC thông qua nguồn vốn ủy thác của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương ("OceanBank"). Khoản vay này được dùng để mua lại 5.635.000 cổ phần (trị giá 60.587.520.000 đồng) từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang cho Công ty. Số tiền còn lại là 28.835.361.369 đồng là khoản hỗ trợ vốn của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam cho Công ty trong thời gian không quá 3 tháng kể từ ngày khoản hỗ trợ đầu tiên được giải ngân với lãi suất hỗ trợ 13,5%/năm.

**19. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

Vay và nợ ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 thể hiện khoản nợ dài hạn đến hạn trả của khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh ("VietinBank Hồ Chí Minh") với số tiền là 62.999.999.999 đồng.

**20. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN DÀI HẠN**

Doanh thu chưa thực hiện dài hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 thể hiện doanh thu nhận trước từ khách hàng theo hợp đồng cho thuê văn phòng số 31/2015/HĐ-Petroland ngày 08 tháng 8 năm 2015. Thời hạn thuê từ ngày 04 tháng 8 năm 2015 đến ngày 15 tháng 12 năm 2058.

**21. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	31/12/2015		Trong kỳ		30/6/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn	262.377.442.994	262.377.442.994	-	34.032.594.096	228.344.848.898	228.344.848.898
Trong đó:						
- VietinBank Hồ Chí Minh	245.055.736.027	245.055.736.027	-	16.710.887.129	228.344.848.898	228.344.848.898
- Baoviet Bank Hồ Chí Minh	17.321.706.967	17.321.706.967	-	17.321.706.967	-	-
	<b>262.377.442.994</b>	<b>262.377.442.994</b>	<b>-</b>	<b>34.032.594.096</b>	<b>228.344.848.898</b>	<b>228.344.848.898</b>

Các khoản vay dài hạn được chi trả theo lịch biểu sau:

	30/6/2016	31/12/2015
	VND	VND
Trong vòng một năm	62.999.999.999	97.032.594.095
Trong năm thứ hai	122.000.000.000	122.000.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	43.344.848.899	43.344.848.899
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(62.999.999.999)	(97.032.594.095)
Số phải trả sau 12 tháng	<b>165.344.848.899</b>	<b>165.344.848.899</b>

Hợp đồng tín dụng ký với VietinBank Hồ Chí Minh ngày 07 tháng 01 năm 2010 với số tiền cho vay tối đa là 462 tỷ đồng nhằm tài trợ vốn cho Dự án Trung tâm Thương mại Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng tại Lô đất C6-A01 Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Khoản vay chịu lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm Đồng Việt Nam với kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của VietinBank Hồ Chí Minh cộng biên độ 2,8%/năm. Thời hạn cho vay là 7 năm, trong đó thời gian ân hạn nợ gốc là 2 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên và thời gian thu nợ là 5 năm. Thời hạn giải ngân là 2 năm kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ giá trị Dự án Trung tâm Thương mại Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, khoản vay có số dư 228.344.848.898 đồng.

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Cổ phần:

Số lượng cổ phần Công ty đã đăng ký và phát hành ra công chúng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 100.000.000 cổ phần. Toàn bộ số cổ phần của Công ty là cổ phần phổ thông, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

	30/6/2016	31/12/2015
- Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	100.000.000	100.000.000
+ <i>Cổ phần phổ thông</i>	100.000.000	100.000.000
- Số lượng cổ phần được mua lại	1.134.920	1.134.920
+ <i>Cổ phần phổ thông</i>	1.134.920	1.134.920
- Số lượng cổ phần đang lưu hành	98.865.080	98.865.080
+ <i>Cổ phần phổ thông</i>	98.865.080	98.865.080

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

MẪU B 09a -DN

**Vốn điều lệ**

Tên cổ đông	Số lượng	Tỷ lệ	Số vốn góp tại	Số vốn góp tại
	Cổ phần	%	ngày 30/6/2016 VND	ngày 31/12/2015 VND
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	36.014.630	36,01	360.146.300.000	360.146.300.000
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	9.000.000	9,00	90.000.000.000	90.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	4.795.400	4,80	47.954.000.000	57.054.000.000
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	2.348.200	2,35	23.482.000.000	23.482.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí	461.200	0,46	4.612.000.000	4.612.000.000
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	5.500	0,01	55.000.000	55.000.000
Các đối tượng khác	47.375.070	47,38	473.750.700.000	464.650.700.000
	<b>100.000.000</b>	<b>100</b>	<b>1.000.000.000.000</b>	<b>1.000.000.000.000</b>

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Vốn điều lệ VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lỗ lũy kế VND	Tổng VND
<b>Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</b>					
Tại ngày 01/01/2015	1.000.000.000.000	(7.866.485.920)	23.458.924.626	(127.448.893.234)	888.143.545.472
Lỗ trong kỳ	-	-	-	(32.946.044.945)	(32.946.044.945)
Tại ngày 30/6/2015	<b>1.000.000.000.000</b>	<b>(7.866.485.920)</b>	<b>23.458.924.626</b>	<b>(160.394.938.179)</b>	<b>855.197.500.527</b>
<b>Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</b>					
Tại ngày 01/01/2016	1.000.000.000.000	(7.866.485.920)	23.458.924.626	(168.455.362.231)	847.137.076.475
Lỗ trong kỳ	-	-	-	(24.390.946.180)	(24.390.946.180)
Tại ngày 30/6/2016	<b>1.000.000.000.000</b>	<b>(7.866.485.920)</b>	<b>23.458.924.626</b>	<b>(192.846.308.411)</b>	<b>822.746.130.295</b>

**23. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh do hoạt động của Công ty chủ yếu là kinh doanh bất động sản. Đồng thời, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý do hoạt động của Công ty chỉ thực hiện ở trong lãnh thổ Việt Nam.

**24. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản	33.431.325.117	5.602.054.730
- Dự án TT Thương mại Tài chính Phú Mỹ Hưng	29.592.000.000	-
- Dự án Chung cư Petroland Quận 2	3.839.325.117	4.961.410.090
- Dự án Chung cư cao tầng Mỹ Phú	-	640.644.640
Doanh thu cung cấp dịch vụ	20.084.189.358	17.106.901.853
	<b>53.515.514.475</b>	<b>22.708.956.583</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Hàng bán bị trả lại	29.592.000.000	-
Chiết khấu hàng bán	-	3.205.221
	<b>29.592.000.000</b>	<b>3.205.221</b>
<b>Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>23.923.514.475</b>	<b>22.705.751.362</b>

**25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Giá vốn hoạt động kinh doanh bất động sản	3.510.423.786	11.122.593.662
- Dự án Chung cư Petroland Quận 2	3.510.423.786	10.517.412.979
- Dự án Chung cư cao tầng Mỹ Phú	-	605.180.683
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	14.127.012.465	11.865.478.477
	<b><u>17.637.436.251</u></b>	<b><u>22.988.072.139</u></b>

**26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.730.149.952	11.255.794.541
Chi phí nhân công	8.639.166.810	8.518.109.064
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.789.862.167	2.429.857.862
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.247.382.027	13.951.927.033
Chi phí khác bằng tiền	7.214.180.398	2.526.056.767
	<b><u>32.620.741.354</u></b>	<b><u>38.681.745.267</u></b>

**27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

Doanh thu hoạt động tài chính thể hiện khoản lãi tiền gửi ngân hàng và lãi tiền cho vay phát sinh trong kỳ.

**28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Chi phí lãi vay	16.498.062.062	20.840.685.830
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	1.969.558.287	1.039.656.666
	<b><u>18.467.620.349</u></b>	<b><u>21.880.342.496</u></b>

**29. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
<b>a) Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí bằng tiền khác	3.250.000.000	30.436.364
	<b><u>3.250.000.000</u></b>	<b><u>30.436.364</u></b>
<b>b) Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên	5.523.616.833	5.774.517.005
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.681.258.520	2.290.140.942
Chi phí dịch vụ mua ngoài	837.534.544	5.482.755.001
Chi phí bằng tiền khác	3.690.895.206	2.115.823.816
	<b><u>11.733.305.103</u></b>	<b><u>15.663.236.764</u></b>



30. LỢI NHUẬN KHÁC

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Thu hộ tiền điện nước	3.959.817.076	3.275.748.484
Thu nhập từ phạt chậm thanh toán	491.633.708	3.364.851.842
Thu nhập khác	3.000.000	308.146.743
	<b>4.454.450.784</b>	<b>6.948.747.069</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Chi hộ tiền điện nước	3.928.068.019	3.082.052.186
Phạt chậm bàn giao căn hộ	-	24.119.466
Chi phí khác	-	193.086.699
	<b>3.928.068.019</b>	<b>3.299.258.351</b>
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>526.382.765</b>	<b>3.649.488.718</b>

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
<b>Lỗ trước thuế</b>	(24.390.946.180)	(32.946.044.945)
<b>Điều chỉnh cho thu nhập tính thuế</b>		
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	374.022.400
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>(24.390.946.180)</b>	<b>(32.572.022.545)</b>
Thuế suất thông thường	20%	22%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế (2015: 22%). Tuy nhiên, Công ty không trích lập thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ do Công ty không có thu nhập chịu thuế.

Đối với thu nhập từ hoạt động kinh doanh bất động sản, Công ty kê khai tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 2% trên doanh thu trừ chi phí. Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp sẽ được xác định và quyết toán lại khi bàn giao bất động sản theo hướng dẫn Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính.

Số thuế thu nhập doanh nghiệp cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 là số liệu tạm tính. Công ty sẽ xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp chính thức khi lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016. Ban Giám đốc xác nhận rằng khoản thuế đã trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ chưa phải là số liệu cuối cùng và tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật thuế và các qui định bị ảnh hưởng bởi các cách diễn đạt khác nhau, số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ sẽ thay đổi dựa trên quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng là 189.600.080.510 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 165.209.134.330 đồng) sẽ bù trừ vào lợi nhuận trong tương lai. Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ này do Công ty không chắc chắn về lợi nhuận tính thuế trong tương lai.

Lỗ tính thuế của Công ty được mang sang và sẽ đáo hạn theo lịch biểu sau:

Năm	Các khoản lỗ tính thuế	
	VND	
2018	124.627.211.326	
2020	40.581.923.004	
2021	24.390.946.180	
	<u>189.600.080.510</u>	

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hay thuế thu nhập hoãn lại phải trả khác vì không có chênh lệch đáng kể giữa cơ sở kế toán của các khoản mục tài sản và công nợ trên bảng cân đối kế toán với cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

### 32. CÁC KHOẢN CAM KẾT

#### a) CAM KẾT VỐN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có các khoản cam kết vốn liên quan tới các hợp đồng đầu tư dài hạn khác đang thực hiện, chưa hoàn thành liên quan đến góp vốn hợp tác đầu tư dự án nhà ở Thương mại Tương Bình Hiệp với số tiền 12.825.000.000 đồng.

	30/6/2016 VND	31/12/2015 VND
Góp vốn hợp tác đầu tư - Dự án nhà ở Thương mại Tương Bình Hiệp	<u>12.825.000.000</u>	<u>12.825.000.000</u>

#### b) CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	30/6/2016 VND	31/12/2015 VND
Trong vòng một năm	3.906.144.000	3.906.144.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	12.369.456.000	14.322.528.000
Sau năm năm	-	-
	<u>16.275.600.000</u>	<u>18.228.672.000</u>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện số tiền Công ty phải trả cho việc thuê văn phòng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 5 năm tính từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

### 33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

#### Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 19 và 21 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (gồm vốn góp của chủ sở hữu, cổ phiếu quỹ, quỹ đầu tư phát triển và lỗ lũy kế).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ/niên độ kế toán như sau:

	30/6/2016	31/12/2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay	228.344.848.898	262.377.442.994
Trừ: Tiền	4.696.651.965	24.951.631.596
Nợ thuần	223.648.196.933	237.425.811.398
Vốn chủ sở hữu	822.746.130.295	847.137.076.475
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b><u>0,27</u></b>	<b><u>0,28</u></b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính và được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	<b>Giá trị ghi sổ</b>	
	30/6/2016	31/12/2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.696.651.965	24.951.631.596
Phải thu khách hàng và phải thu khác	382.703.767.642	373.183.565.368
	<b><u>387.400.419.607</u></b>	<b><u>398.135.196.964</u></b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	228.344.848.898	262.377.442.994
Phải trả người bán và phải trả khác	161.451.354.404	153.425.005.318
Chi phí phải trả	161.522.322.691	160.091.610.368
Nhận ký quỹ, ký cược	-	583.947.000
	<b><u>551.318.525.993</u></b>	<b><u>576.478.005.680</u></b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

05/2016  
 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ  
 TP.HCM

01/12/2015  
 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ  
 TP.HCM

*Độ nhạy của lãi suất*

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 50 điểm cơ bản thì lỗ trước thuế của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 sẽ tăng/giảm 1.141.724.244 đồng (từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến 30 tháng 6 năm 2015: 1.464.485.439 đồng)

*Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu*

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và đầu tư vào các đơn vị khác. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con cũng như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào các công ty con được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

*Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác vì tiền được nhận trước dựa trên thời hạn thanh toán trên hợp đồng bán hàng. Các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán sẽ được khách hàng tiếp tục thanh toán khi Công ty chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hoàn thành giấy chứng nhận sở hữu.

*Quản lý rủi ro thanh khoản*

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/6/2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
<b>Tài sản tài chính</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.696.651.965	-	4.696.651.965
Phải thu khách hàng và phải thu khác	<u>199.880.680.601</u>	<u>182.823.087.041</u>	<u>382.703.767.642</u>
	<b>204.577.332.566</b>	<b>182.823.087.041</b>	<b>387.400.419.607</b>
<b>Công nợ tài chính</b>			
Các khoản vay	62.999.999.999	165.344.848.899	228.344.848.898
Phải trả người bán và phải trả khác	70.748.436.940	90.702.917.464	161.451.354.404
Chi phí phải trả	<u>86.035.455.662</u>	<u>75.486.867.029</u>	<u>161.522.322.691</u>
	<b>219.783.892.601</b>	<b>331.534.633.392</b>	<b>551.318.525.993</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b><u>(15.206.560.035)</u></b>	<b><u>(148.711.546.351)</u></b>	<b><u>(163.918.106.386)</u></b>

8406  
 G TY  
 HAN  
 TA  
 TH  
 KH  
 IGGY

500-  
 NHAI  
 IG T  
 EMHU  
 ITT  
 NAM  
 HOC

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU B 09a -DN**

31/12/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
<b>Tài sản tài chính</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.951.631.596	-	24.951.631.596
Phải thu khách hàng và phải thu khác	229.522.522.500	143.661.042.868	373.183.565.368
	<b>254.474.154.096</b>	<b>143.661.042.868</b>	<b>398.135.196.964</b>
<b>Công nợ tài chính</b>			
Các khoản vay	97.032.594.095	165.344.848.899	262.377.442.994
Phải trả người bán và phải trả khác	62.271.408.347	91.153.596.971	153.425.005.318
Chi phí phải trả	84.911.046.912	75.180.563.456	160.091.610.368
Nhận ký quỹ, ký cược	-	583.947.000	583.947.000
	<b>244.215.049.354</b>	<b>332.262.956.326</b>	<b>576.478.005.680</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>10.259.104.742</b>	<b>(188.601.913.458)</b>	<b>(178.342.808.716)</b>

Ban Giám đốc đánh giá Công ty có rủi ro thanh khoản. Tuy nhiên, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Công ty lập kế hoạch tăng cường thu hồi nợ phải thu của khách hàng, chuyển nhượng phần vốn góp của Công ty tại một số dự án đầu tư như dự án nhà ở thương mại Tương Bình Hiệp, dự án sân Golf và khu biệt thự sinh thái Nha Trang, bàn giao các diện tích còn lại tại Chung cư Petroland Quận 2 và Trung tâm Thương mại Tài chính Phú Mỹ Hưng, để đảm bảo Công ty có thể thanh toán các khoản nợ đến hạn.

**34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	Cổ đồng
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long	Công ty con

Trong kỳ, Công ty đã có giao dịch với các bên liên quan sau:

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
<b>Chi phí thuê văn phòng</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú	-	246.360.000
<b>Chi phí lãi vay</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	2.274.316.986	2.261.820.740
<b>Thu nhập từ cung cấp dịch vụ</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú	1.656.866.033	-
<b>Cho vay hỗ trợ vốn</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long	800.000.000	2.425.000.000
<b>Chuyển tiền hỗ trợ vốn theo ủy quyền</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú	1.000.000.000	5.500.000.000
<b>Chuyển tiền trong năm</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú	4.500.000.000	-
<b>Thu nhập từ lãi cho vay hỗ trợ vốn</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú	26.200.000	60.333.333
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long	251.194.444	960.622.569

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU B 09a -DN**

Lương và thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc

Từ 01/01/2016	Từ 01/01/2015
đến 30/6/2016	đến 30/6/2015
VND	VND

Lương và thu nhập	<u>750.807.180</u>	<u>714.837.271</u>
-------------------	--------------------	--------------------

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ/ niên độ kế toán như sau:

30/6/2016	31/12/2015
VND	VND

**Các khoản phải thu khách hàng**

Tổng Công ty Dầu Việt Nam	4.991.026.528	4.991.026.528
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	-	718.508.036
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú	<u>7.185.614.693</u>	<u>6.202.573.711</u>
	<u><b>12.176.641.221</b></u>	<u><b>11.912.108.275</b></u>

**Các khoản phải thu khác**

Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long	36.518.556.077	33.763.449.827
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú	<u>8.463.466</u>	<u>12.458.169.811</u>
	<u><b>36.527.019.543</b></u>	<u><b>46.221.619.638</b></u>

**Các khoản phải trả khác**

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	103.828.733.369	103.828.733.369
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú	<u>3.925.655.799</u>	<u>6.198.850</u>
	<u><b>107.754.389.168</b></u>	<u><b>103.834.932.219</b></u>

**Các khoản phải trả nhà cung cấp**

Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú	<u>386.497.214</u>	<u>386.497.214</u>
---------------------------------------	--------------------	--------------------

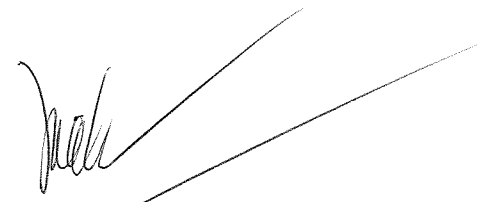
**Chi phí phải trả**

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	34.098.666.491	32.542.857.542
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú	<u>899.971.552</u>	<u>899.971.552</u>
	<u><b>34.998.638.043</b></u>	<u><b>33.442.829.094</b></u>

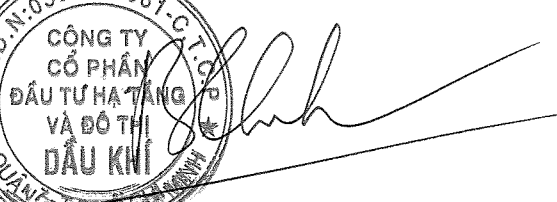
**35. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền lãi vay đã trả trong kỳ không bao gồm số tiền 5.153.008.664 đồng (cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2015: 19.503.298.742 đồng) là chi phí lãi vay còn phải trả cho ngân hàng và các bên cho vay. Tuy nhiên, tiền lãi vay trả trong kỳ đã bao gồm số tiền 10.503.000.000 đồng (cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2015: 1.337.387.088 đồng) là chi phí lãi vay của năm trước thanh toán trong kỳ này.



Người lập biểu/ Kế toán trưởng  
**Phạm Thúy Nga**

Giám đốc  
**Bùi Minh Chính**  
 Ngày 26 tháng 8 năm 2016